

VỊ THẾ VAI TRÒ CỦA THANH NIÊN NHÌN TỪ GÓC ĐỘ XÃ HỘI HỌC

*Lê Ngọc Hùng**

Đặt vấn đề

Trong khi các nhà làm luật còn đang tranh luận về việc xác định tuổi thanh niên là bao nhiêu, thì thanh niên vẫn là một nhóm xã hội có vị thế và vai trò ngày càng quan trọng trong sự phát triển xã hội trên đường công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) đất nước. Vị trí và vai trò của thanh niên được xác định bởi đặc điểm tâm lý-xã hội của một lứa tuổi là "thanh niên" và các yếu tố dân số, kinh tế, xã hội. Chỉ một việc đơn giản là nâng tuổi cận trên từ 30 tuổi lên 35 tuổi là có thể làm tăng số lượng thanh niên (theo Luật Thanh niên (dự thảo) điều chỉnh) khoảng 7-8 triệu người và ngược lại nếu giảm từ 30 tuổi xuống 25 tuổi là giảm đi cũng khoảng 7-8 triệu người trong tổng số người được gọi là thanh niên.

Thực tế là thanh niên Việt Nam đang sống, sinh hoạt và lao động với tư cách là một nhóm xã hội trong một xã hội cụ thể-xã hội Việt Nam đang tiến hành CNH, HĐH theo con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội theo hướng phát triển, công bằng, dân chủ và văn minh trong bối cảnh của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế thế giới. Cần tính đến sự định hướng giáo dục-đào tạo của thanh niên; đặc điểm

của sự cơ động, di động trong cơ cấu xã hội trong nước và quốc tế. Điều này liên quan trực tiếp tới quyền lợi và nghĩa vụ học tập phổ thông và cao đẳng, đại học hay chọn nghề nghiệp, lao động hoặc học nghề của thanh niên; liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của thanh niên trong ứng xử xã hội, tương tác xã hội và trong việc lựa chọn, quyết định di cư, định cư, thay đổi chỗ học tập và chỗ làm việc trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Dân số thanh niên biến đổi về quy mô, số lượng và cơ cấu và điều quan trọng hơn ở đây là sự biến đổi về vị thế, vai trò của thanh niên trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bài viết này sẽ phân tích những biến đổi mới này.

Thanh niên và cơ cấu tuổi của dân số Việt Nam

Cuộc điều tra nhân khẩu học và sức khoẻ năm 2002 cho biết cơ cấu dân số Việt Nam gồm:

- Trẻ em, nếu tính dưới 15 tuổi, chiếm 30,1%, chưa tính đến tỉ lệ phần trăm số người tuổi từ 15 đến 16 tuổi;
- Thanh niên, nếu tính từ 15 đến 34 tuổi, là 33,6%;
- Trung niên, nếu tính từ 35-59 tuổi, là 26,8%;
- Người cao tuổi, nếu tính từ 60 tuổi trở lên, là 9,5%.

Nếu lấy độ tuổi trên của thanh niên

* TS., Trung tâm Xã hội học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.

là dưới 30 tuổi thì tỉ lệ thanh niên trong dân số Việt Nam sẽ giảm đi khoảng 7,7% - tức là sẽ loại khoảng 7-8 triệu người ra khỏi đối tượng điều chỉnh của Luật Thanh niên. Điều này cho thấy, chỉ tính riêng từ góc độ nhân khẩu học xã hội đã thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xác định tuổi thanh niên. Tuổi cận trên của thanh niên nếu được xác định càng tăng bao nhiêu thì quy

mô và tỉ lệ trung niên càng ít đi bấy nhiêu. Tỉ lệ trung niên phải lớn hơn tỉ lệ thanh niên, lớn hơn tỉ lệ của dân số phụ thuộc (gồm trẻ em và người cao tuổi) thì mới có thể đảm bảo sự cân đối về cơ cấu dân số độc lập và phụ thuộc. Cần tính đến sự cân đối hợp lý của cơ cấu dân số trẻ em, thanh niên, trung niên và cao tuổi trong dân số.

Bảng 1: Phân bố tuổi của dân số Việt Nam năm 2002

Nhóm tuổi	Nam	Nữ	Chung
Dưới 15 tuổi	32.2	29.3	30.1
15-19	11.7	10.5	11.0
20-24	7.4	7.5	7.4
24-29	7.0	7.8	7.5
30-34	7.8	7.6	7.7
35-59	25.7	26.5	26.8
60-64	1.9	2.7	2.3
Từ 65 trở lên	6.3	8.1	7.2

Nguồn: Committee for Population, Family and Children. Population and Family Health Project. *Demographic and Health Survey 2002*, Hanoi. 2003. p.17.

Sự biến đổi dân số thanh niên từ góc độ nhân khẩu học-xã hội gắn với xu hướng già hoá dân số trong đó tỉ lệ trẻ em sẽ giảm đi, tỉ lệ người cao tuổi sẽ tăng lên trong xã hội. Số liệu ở bảng 2 cho thấy tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi giảm mạnh từ gần 40% năm 1989 xuống còn khoảng 30% năm 2002. Đồng thời tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên cũng tăng lên nhanh từ 4,8% lên 7,2% trong cùng thời kỳ này. Dự báo dân số cho biết sau 20 năm nữa-đến năm 2024 theo phương án mức sinh trung bình, không cao không thấp thì dân số trẻ em dưới 15 tuổi sẽ

giảm chỉ còn khoảng 22,4%, dân số 15-64 tăng tới 68,3%, dân số từ 60 tuổi trở lên tăng 8%.

Tuổi trung vị của dân số Việt Nam tăng từ 19,8 tuổi lên 25,7 tuổi trong vòng hơn một thập kỷ 1989-2002. Điều đó chứng tỏ tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam đang có xu hướng tăng lên mạnh: từ 58 tuổi năm 1970 lên 66 tuổi năm 1988, 67,3 tuổi năm 1996. So với các nước phát triển tuổi thọ trung bình của Việt Nam còn thấp, ví dụ ở Nhật Bản tuổi thọ trung bình là 80 tuổi năm 1996.

Bảng 2: Biến đổi cơ cấu dân số theo nhóm dân số phụ thuộc và dân số không phụ thuộc và tuổi trung vị của dân số năm 1989-2002 (%)

Tuổi dân số	Tổng ĐTDS 1989	ĐTDS giữa kỳ 1994	VNDHS 1997	Tổng ĐTDS 1999	VNDHS 2002	Dự báo 2024
Dưới 15	39,8	36,8	35,0	33,2	30,1	22,4
15 - 64	55,4	57,5	58,6	61,1	62,7	69,5
Từ 65 trở lên	4,8	5,7	6,3	5,8	7,2	8,2
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Tuổi trung vị	19,8	22,1	22,8	23,3	25,7	33,8

Chú thích: Do làm tròn số nên tổng số có thể không phải 100. Số liệu từ các nguồn điều tra khác nhau trong đó VNDHS là Điều tra nhân khẩu học và sức khỏe Việt Nam.

Nguồn: Committee for Population, Family and Children. Population and Family Health Project. *Demographic and Health Survey 2002*. Hanoi. 2003. p.19; Tổng cục Thống kê. *Báo cáo kết quả dự báo dân số Việt Nam, 1999-2002*. Nxb. Thống kê. Hà Nội. 2000, tr.37.

Hai phương án biến đổi dân số thanh niên

Dự báo dân số cho biết, số người từ 30- 34 tuổi tăng lên từ 6 triệu người năm 1999 lên 6,5 triệu người năm 2004 và khoảng 8,7 triệu người năm 2024. Theo kết quả điều tra dân số 1999, nếu tính thanh niên là người từ 16 đến dưới

30 tuổi thì có khoảng 20,1 triệu người. Số lượng thanh niên tăng lên theo đà dân số trẻ và ước tính năm 2004 là 22,2 triệu người. Nhưng đến năm 2024 do xu hướng giảm sinh và già hoá nên số người thuộc nhóm tuổi từ 16 đến dưới 30 tuổi sẽ giảm còn 19,4 triệu người (xem bảng 3).

Bảng 3: Số lượng (triệu người) và tỉ lệ (%) thanh niên theo hai phương án tuổi, ước tính theo phương án mức sinh trung bình

Phương án tuổi thanh niên	1999		2004		2024	
	SL	%	SL	%	SL	%
16-29 tuổi	20,1	26,3	22,2	27,5	19,4	19,6
16-34 tuổi	26,1	31,1	28,8	35,6	28,1	28,4

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê. *Báo cáo kết quả dự báo dân số Việt Nam, 1999-2024*. Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2000, tr.49, 53.

Tình trạng hôn nhân và tuổi thanh niên

Đối với đời sống của cá nhân cũng như đời sống xã hội, hôn nhân là một sự kiện trọng đại bởi nó không chỉ có ý nghĩa duy trì nòi giống mà có ý nghĩa khẳng định vị thế, vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của mỗi công dân trong một cộng đồng xã hội. Tri thức thường ngày của người dân Việt Nam cho biết đến tuổi trưởng thành, tuổi dậy thì của nữ sớm hơn nam "nữ thập tam, nam thập lục" và thấp hơn nhiều so với tuổi trưởng thành được xác định theo Luật hôn nhân và gia đình. Không ít người quan niệm rằng tuổi thanh niên kéo dài từ lúc trưởng thành-từ tuổi dậy thì cho đến lúc lấy vợ hoặc lấy chồng. Sự kiện hôn nhân chứng tỏ rằng người có vợ và người có

chồng không còn là thanh niên "lông bông", sống phụ thuộc vào bố mẹ của họ nữa. Tuy không thể lấy tiêu chí "kết hôn" để xác định tuổi thanh niên nhưng cần tính đến tuổi kết hôn trung bình lần đầu của dân số nữ và nam ở Việt Nam. Số liệu điều tra các năm cho biết tuổi kết hôn trung bình tăng lên chậm chạp đối với nam từ 25.4 tuổi năm 1999 lên 26 tuổi năm 2002, nhưng tương đối ổn định đối với nữ - 22.8 tuổi trong cùng thời kỳ này (xem bảng 4). Với độ tuổi kết hôn trung bình lần khoảng 24-25 như vậy thì có thể thấy lứa tuổi thanh niên là lứa tuổi kết hôn, sinh đẻ và củng cố cơ cấu gia đình hạt nhân quy mô nhỏ. Do vậy, công tác dân số - phát triển cần tập trung vào lứa tuổi rất nhạy cảm này.

Bảng 4: Tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nữ và nam, 1999-2002 (%)

Dân số	1999	2001	2002
Nam	25,4	25,7	26,0
Nữ	22,8	22,8	22,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình 1/4/2002: Những kết quả chủ yếu. Nxb. Thống kê. Hà Nội, 2/2002, tr.29.

Xã hội hoá và tuổi thanh niên

Trong bài này, xã hội hoá được hiểu là quá trình phát triển cá nhân trong các môi trường của xã hội¹. Về sự phát triển tâm lý - xã hội của mỗi cá nhân, các nhà nghiên cứu nhất trí cho rằng mỗi xã hội phải dành thời gian và đầu tư các nguồn lực khác nhau để mỗi cá nhân trải qua một thời kỳ xã hội hoá nhất định trước khi chính thức gia nhập vào đời sống xã

hội với tư cách là một thành viên độc lập. Quá trình xã hội hoá cá nhân với nội dung chính là chuẩn bị tinh thần, nghị lực, các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho cuộc sống xã hội, có thể kéo dài từ lúc đứa trẻ lọt lòng mẹ cho đến độ tuổi bao nhiêu là tùy vào điều kiện lịch sử xã hội cụ thể. Nếu quá trình xã hội hoá đối với trẻ em là tiếp thu các kinh nghiệm sống của người lớn và học tập các tri thức phổ thông do giáo dục phổ thông cung cấp, thì đối với thanh niên xã hội hoá là quá trình học tập tri

¹ Phạm Tất Dong-Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên). *Xã hội học*. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.

thức nghề nghiệp. Trong xã hội truyền thống nặng về kinh tế nông nghiệp lạc hậu thì các cá nhân thành viên có quá trình xã hội hoá ngắn tức là tuổi trẻ em được xác định thấp. Thậm chí có những cộng đồng xã hội, ở đó mỗi cá nhân chỉ có giai đoạn tuổi thơ, không có giai đoạn đi học hoặc giai đoạn thiếu niên mà rất sớm tham gia vào đời sống xã hội như người lớn. Cũng với lý do tương tự như vậy, trong những xã hội đơn giản, lứa tuổi thanh niên cũng rất ngắn-chỉ trên dưới 20 tuổi; còn sau 20 tuổi đã là người lớn không còn là thanh niên nữa.

Xã hội hiện đại đòi hỏi quá trình xã hội hoá phải kéo dài cho đến khi nào cá nhân có đủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn để chủ động, độc lập nắm giữ vị trí nghề nghiệp và thực hiện các vai trò tương ứng với nghề nghiệp để có cuộc sống ổn định với tư cách là một công dân có trách nhiệm và quyền lợi nhất định. Trong quá trình xã hội hoá ở lứa tuổi thanh niên, mỗi cá nhân phải lựa chọn và quyết định việc tiếp tục học tập các tri thức nghề nghiệp hay là trực tiếp tham gia vào các hoạt động nghề nghiệp để kiếm sống. Xã hội công nghiệp ngày nay đòi hỏi thanh niên tiếp tục đến trường để học một cách hệ thống các kiến thức và hình thành các năng lực, phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một người lao động có một vị trí nhất định trong hệ thống cơ cấu sản xuất xã hội. Đối với những thanh niên sớm tham gia vào các hoạt động kinh tế thì hoạt động lao động của họ ở lứa tuổi đó vẫn chủ yếu mang tính chất làm quen và chuẩn bị, kiểu làm việc "tập sự" để có một vị trí nhất định trong cơ cấu nghề nghiệp của xã hội.

Một nội dung hoạt động cơ bản của xã hội hoá cá nhân là việc đi học, là nâng cao học vấn. CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi Việt Nam phải tập trung nhiều hơn nữa vào việc làm tăng tỷ lệ tới trường. Các nhà hoạch định chính sách cần làm sao để tuổi thanh niên không nên kéo dài vì như thế sẽ đồng nghĩa với việc kéo dài quá trình xã hội hoá có thể dẫn đến tình trạng thiếu sự tập trung đầu tư, gây lãng phí thời gian của cá nhân và xã hội.

Như vậy là, từ góc độ xã hội học có thể nói rằng lứa tuổi trẻ em là lứa tuổi giáo dục phổ thông và lứa tuổi thanh niên phải là lứa tuổi giáo dục nghề nghiệp, giáo dục cao đẳng, đại học, là lứa tuổi đầu tư phát triển vốn người². Việc đi học đối với thanh niên cần được Luật Thanh niên quy định vừa với tính cách là quyền lợi vừa với tính cách là trách nhiệm, nghĩa vụ. Với tầm nhìn có tính chiến lược về xã hội hoá như vậy thì lực lượng lao động của nền kinh tế Việt Nam mới có thể có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH và cạnh tranh được với nền kinh tế của các nước khác. Bảng số liệu về tình trạng học vấn của các nhóm tuổi dưới đây gợi ra những suy nghĩ và buộc chúng ta phải cân nhắc kỹ lưỡng việc xác định tuổi thanh niên để trong những năm tới trình độ học vấn của lực lượng lao động trẻ của Việt Nam được nâng lên rõ rệt.

² Lê Ngọc Hùng, *Xã hội học kinh tế*. Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.

Bảng 5: Số năm đi học bình quân của nữ và nam phân theo nhóm tuổi, 2002

Nhóm tuổi	Nam	Nữ
15-19	8,4	8,3
20-24	7,3	7,3
25-29	7,9	7,2
30-34	8,2	8,1
Chung cho dân số từ 6 tuổi trở lên	6,5	5,3

Nguồn: Committee for Population, Family and Children, Population and Family Health Project. *Demographic and Health Survey 2002*. Hanoi, 2003, p.13.

Rõ ràng là xét về số năm đi học bình quân của từng nhóm tuổi cũng như của toàn bộ dân số từ 6 tuổi trở lên, ta thấy trình độ học vấn của người Việt Nam còn rất thấp so với yêu cầu của đổi mới kinh tế-xã hội hiện nay. Đặc biệt, số năm đi học bình quân của nhóm tuổi thanh niên như nhóm 20-24 và nhóm 25-29 cũng không hơn gì thậm chí còn kém nhóm tuổi 15-19. Luật Thanh niên cần có quy định về quyền và nghĩa vụ đi học của thanh niên thuộc nhóm tuổi này để đảm bảo nâng cao trình

độ học vấn của lực lượng lao động Việt Nam trong những năm tới.

Tình trạng đi học của dân số phân theo nhóm tuổi cho biết rõ sự cần thiết phải tính đến đặc điểm và yêu cầu của xã hội hoá đối với việc xác định tuổi thanh niên nói riêng và quyền lợi, nghĩa vụ của thanh niên trong việc học tập nói chung. Trong khi có tới 91,3% trẻ em lứa tuổi 6-15 đi học thì chỉ có 41,4% thanh niên tuổi 16-20 đi học và chỉ có 7,2% thanh niên tuổi 21-24 đi học.

Bảng 6: Tỷ lệ đi học của dân số từ 6-24 tuổi theo các nhóm tuổi, giới tính và thành thị, nông thôn, năm 2002 (%)

Nhóm tuổi	Nam			Nữ			Chung		
	Thành thị	Nông thôn	Chung	Thành thị	Nông thôn	Chung	Thành thị	Nông thôn	Chung
6-10	96,8	96,5	96,5	96,7	95,9	96,0	96,7	96,2	96,2
11-15	91,8	88,6	89,1	88,6	84,2	84,8	90,2	86,3	86,9
6-15	94,1	92,4	92,7	91,8	89,7	90,0	93,0	91,1	91,3
16-20	59,6	42,4	45,4	53,2	33,7	37,1	56,6	38,0	41,4
21-24	22,1	5,2	9,0	13,3	3,4	5,7	17,4	4,3	7,2

Nguồn: Committee for Population, Family and Children, Population and Family Health Project. *Demographic and Health Survey 2002*. Hanoi, 2003, p.13.

Tỷ lệ đi học giảm theo độ tuổi có nghĩa là tỉ lệ hoạt động kinh tế tăng lên. Ví dụ, năm 1998, tỉ lệ hoạt động kinh tế của nhóm tuổi 15-19 là 63,97%, 85,76% ở nhóm tuổi 20-24 và 94,53% ở nhóm tuổi 25-29. Theo quy luật đầu tư vào vốn con người của xã hội hiện đại, các

gia đình và thanh niên ngày càng đầu tư vào việc đi học của những người trẻ tuổi. Điều này cũng xảy ra đối với nhóm tuổi 15-19 của Việt Nam: năm 1993 có 78,53% số người thuộc nhóm này hoạt động kinh tế nhưng đến năm 1998 tỉ lệ này giảm còn 63,97%.

Bảng 7: Tỉ lệ hoạt động kinh tế của một số nhóm tuổi và chung cho dân số trong độ tuổi lao động, 1993-1998 (%)

Nhóm tuổi	1993	1998
15-19	78,53	63,97
20-24	84,54	85,76
25-29	87,10	94,53
30-34	91,38	95,55
15-60	79,86	86,40

Nguồn: Tổng cục Thống kê. *Điều tra mức sống dân cư Việt Nam 1997-1998*. Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2000, tr.158.

Về mặt chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, cần thấy trước một điều rằng đối với nhóm tuổi 15-19 và nhóm tuổi 18-24 tỷ lệ hoạt động kinh tế càng nhiều càng chứng tỏ đó là một nền kinh tế chậm phát triển và khó có thể có sức cạnh tranh cao. Bởi vì nếu như khi còn trẻ thanh niên không tiếp tục đi học thì khó có đủ trình độ học vấn cần thiết của nền kinh tế tri thức: Số liệu về số năm đi học trung bình không khẳng định rằng thanh niên Việt Nam có trình độ học vấn thấp. Với trình độ như vậy, thanh niên khó có thể vững bước tiến vào CNH, HĐH. Về mặt chiến lược, lứa tuổi thanh niên là lứa tuổi đi học-lứa tuổi đầu tư vào phát triển vốn người, vốn trí

tuệ, vốn văn hoá, vốn xã hội và nhiều loại vốn khác cần thiết của người lao động trong xã hội đang tiến vào kỷ nguyên khoa học trở thành lực lượng sản xuất. Do đó, thanh niên phải là nhóm xã hội tiên phong trên mặt trận học tập và làm giàu trí tuệ của mình bằng kho tàng kiến thức nhân loại. Có như vậy, thanh niên mới thực sự trở thành lực lượng xung kích trên mọi mặt trận và phát huy các truyền thống cách mạng quý báu của thế hệ cha ông.

Như vậy, vị thế, vai trò và các đặc điểm về nhóm dân số thanh niên trong xã hội Việt Nam đang có hướng biến đổi mới, quan trọng xét về cả tỷ lệ nhóm tuổi này trong dân số và nhất là xét từ

yêu cầu có tính chiến lược của sự phát triển đất nước theo hướng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thanh niên là bộ phận nòng cốt của thế hệ trẻ mà một trong những nhiệm vụ cơ bản, quan trọng nhất là học tập. Đúng như Bác Hồ kính yêu đã căn dặn: "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ phần lớn ở công học tập của các cháu"³. Chúng ta, nhất là những người làm luật, làm chính sách và quản lý xã hội hiểu sâu sắc rằng "các em" ở đây bao gồm trẻ em và thanh niên Việt Nam- những người sẽ nắm vận mệnh đất nước, vận mệnh cách mạng trong tương lai.

Tuy chưa có cuộc điều tra chính thức với quy mô lớn về quan niệm xã hội về "tuổi trẻ": như thế nào là "trẻ", nhưng một số quan sát cho thấy trong khu vực kinh tế nhà nước, những người thuộc lứa tuổi 30-35 thường bị coi là quá trẻ để có thể tin cậy trao cho đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Nếu như trong quan niệm của một bộ phận dân cư và nhất là một bộ phận cán bộ lãnh

đạo quản lý còn coi thanh niên là những người còn thiếu kinh nghiệm, nông nổi, "trẻ người non dạ", thì việc các định độ tuổi cận trên của thanh niên dưới 30 tuổi sẽ có ý nghĩa thiết thực đối với việc sớm bồi dưỡng, đào tạo thanh niên để sớm trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, nói đến thanh niên là nói đến một nhóm xã hội với tư cách là một bộ phận của xã hội. Việc xác định vị thế, vai trò của thanh niên cần tính đến đặc điểm của một lứa tuổi sinh học của sự phát triển cá thể và các đặc điểm của tuổi xã hội với các điều kiện và yêu cầu mà sự phát triển lâu bền của xã hội ta đặt ra đối với thanh niên với tư cách là một bộ phận của xã hội hiện đại. Các vị thế, vai trò của thanh niên cần được thiết chế hoá thông qua các quy định pháp lý về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của thanh niên và các cá nhân, tổ chức trong xã hội để đảm bảo thanh niên thực sự có điều kiện, cơ hội nâng cao năng lực đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển xã hội công bằng, dân chủ và văn minh trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước.

³ Hồ Chí Minh. *Toàn tập 1945-1947*. Tập 4. Nxb. Sự thật. Hà Nội, 1984, tr. 11. Trong thư Bác Hồ gửi thanh niên ngày 17 tháng 8 năm 1947 Bác viết: Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó" Sđd. tr.402.